

*
Số -TTr/ĐU

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

xin chủ trương Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031

Kính gửi: Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ngày 12/6/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 11/QĐ-HĐND về việc chấp thuận danh mục nghị quyết trình tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương 09 Tờ trình kèm dự thảo Nghị quyết trình tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031 thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội, cụ thể:

I. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI CHẾ ĐỘ ĐIỀU DƯỠNG PHỤC HỒI SỨC KHỎE TẬP TRUNG ĐỐI VỚI NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN LIỆT SĨ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

1.1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.
- Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14.
- Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.
- Căn cứ Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21/7/2023 của Chính phủ, Nghị định số 77/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó, trong quá trình vận hành đơn

vị hành chính cấp tỉnh (sau sáp nhập) thực hiện nội dung và mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đang áp dụng song song chế độ, chính sách đặc thù của mỗi tỉnh (trước khi chưa sáp nhập) khác nhau về nội dung và định mức chi, cụ thể: (1) Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp (cũ) áp dụng Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. (2) Sở Nội vụ tỉnh Tiền Giang áp dụng Công văn số 923/UBND-KT ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt mức chi tiền ăn, uống cho người có công đi điều dưỡng tập trung phát sinh trong thời gian đi đường. Cụ thể:

(1) Chi phí khám sức khỏe trước khi đi điều dưỡng tập trung:

- Đồng Tháp (cũ): Tối đa 100.000 đồng/người/lượt.

- Tiền Giang: không có.

(2) Tiền ăn ngày tập trung tại tỉnh trước khi đi điều dưỡng một ngày; trong thời gian đi đường (bao gồm ngày đi đến địa điểm điều dưỡng và ngày về):

- Đồng Tháp (cũ): Bữa sáng: Tối đa 50.000 đồng/người/bữa ăn. Bữa trưa, chiều: Tối đa 150.000 đồng/người/bữa ăn.

- Tiền Giang: Bữa sáng: Tối đa 80.000 đồng/người/bữa ăn. Bữa trưa, chiều: Tối đa 160.000 đồng/người/bữa ăn.

(3) Tiền phòng nghỉ:

- Đồng Tháp (cũ): Ngày tập trung tại tỉnh trước khi đi điều dưỡng (tập trung trước một ngày): Tối đa 200.000 đồng/người/ngày.

+ Trường hợp tổ chức điều dưỡng phục hồi sức khỏe theo hình thức kết hợp tham quan thực tế: tối đa 350.000 đồng/người/ngày.

- Tiền Giang: Không quy định mức tối đa. Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

(4) Chi phí khám, chữa bệnh:

- Đồng Tháp (cũ): Chi phí khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh phát sinh trong thời gian điều dưỡng: Hỗ trợ đối với các chi phí ngoài phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế, mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập nơi đối tượng điều dưỡng tham gia khám bệnh, chữa bệnh.

- Tiền Giang: Không có quy định.

(5) Chi phí phương tiện vận chuyển:

- Đồng Tháp (cũ): Phương tiện ô tô, máy bay. Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh, đảm bảo trình tự, thủ tục và chứng từ, hóa đơn theo quy định.

- Tiền Giang: Phương tiện ô tô. Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh, đảm bảo trình tự, thủ tục và chứng từ, hóa đơn theo quy định.

Để thống nhất áp dụng các chế độ, chính sách cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh sau sáp nhập, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là cần thiết và có cơ sở pháp lý, phù hợp thực tiễn.

2. Mục tiêu: Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Đối tượng áp dụng

Theo quy định tại khoản 1 Điều 84 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng, cụ thể:

3.1. Người có công với cách mạng đang hưởng trợ cấp hằng tháng quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k khoản 1 Điều 3 và khoản 1, khoản 2 Điều 38 Pháp lệnh, gồm:

- a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945;
- b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;
- c) Bà mẹ Việt Nam anh hùng;
- d) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân;
- đ) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến;
- e) Thương binh, bao gồm cả thương binh loại B được công nhận trước ngày 31 tháng 12 năm 1993; người hưởng chính sách như thương binh;
- g) Bệnh binh;
- h) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- i) Người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày;
- k) Người có công giúp đỡ cách mạng là người đã có thành tích giúp đỡ cách mạng trong lúc khó khăn, nguy hiểm và được Nhà nước khen tặng thuộc một trong các trường hợp sau đây: Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Kỷ niệm chương “Tổ quốc ghi công” hoặc Bằng “Có công với nước” trước cách mạng tháng Tám năm 1945; Người được tặng hoặc người trong gia đình được tặng Huân chương Kháng chiến;

3.2. Thân nhân liệt sĩ quy định tại khoản 2 Điều 3 Pháp lệnh, gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con (con đẻ, con nuôi), người có công nuôi liệt sĩ đang hưởng trợ cấp hằng tháng.

3.3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí để thực hiện quy định mức chi chế độ điều dưỡng phục hồi

sức khỏe tập trung đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Nội dung và mức chi

4.1. Chi phí khám sức khỏe trước khi đi điều dưỡng tập trung: Tối đa 160.000 đồng/người/lượt.

4.2. Tiền ăn ngày tập trung tại tỉnh trước khi đi điều dưỡng một ngày; trong thời gian đi đường (bao gồm ngày đi đến địa điểm điều dưỡng và ngày về):

a) Bữa sáng: Tối đa 80.000 đồng/người/bữa ăn.

b) Bữa trưa, chiều: Tối đa 200.000 đồng/người/bữa ăn.

4.3. Tiền phòng nghỉ ngày tập trung tại tỉnh trước khi đi điều dưỡng một ngày: Tối đa 550.000 đồng/người/đêm.

4.4. Chi phí khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh phát sinh trong thời gian điều dưỡng: Hỗ trợ đối với các chi phí ngoài phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế, mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh hiện hành do cơ quan có thẩm quyền quyết định đối với các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập nơi đối tượng điều dưỡng tham gia khám bệnh, chữa bệnh.

4.5. Chi phí phương tiện đưa đón đối tượng đi điều dưỡng tập trung trong thời gian đi đường (đi và về) bằng ô tô hoặc máy bay. Thanh toán theo chi phí thực tế phát sinh, đảm bảo trình tự, thủ tục và chứng từ, hóa đơn theo quy định.

5. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

- Nguồn Quỹ Đền ơn đáp nghĩa.

- Nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp (nếu có).

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026.

II. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ XÂY DỰNG, SỬA CHỮA NHÀ Ở CHO NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG VÀ THÂN NHÂN CỦA NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

1.1. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

- Căn cứ Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14.

- Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

- Căn cứ Chỉ thị số 14-CT/TW ngày 19/7/2017 của Ban Bí thư về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người có công với cách mạng chỉ rõ mục tiêu phấn đấu “thực hiện tốt hơn nữa công tác người có công với cách mạng; phấn đấu đến năm 2020, 100% gia đình người có công với cách mạng có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình của cộng đồng dân cư nơi cư trú”.

1.2. Cơ sở thực tiễn

Trên cơ sở Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó, trong quá trình vận hành đơn vị hành chính cấp tỉnh (sau sáp nhập) thực hiện quy định mức hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng áp dụng song song chế độ, chính sách đặc thù của mỗi tỉnh (trước khi chưa sáp nhập) khác nhau về định mức, nguồn kinh phí thực hiện, cụ thể:

Tỉnh Tiền Giang: Áp dụng Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công và thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2022 - 2025, xây dựng mới 60 triệu đồng/căn, sửa chữa 40 triệu đồng/căn.

Tỉnh Đồng Tháp (cũ): Áp dụng Quyết định số 593/QĐ-UBND-HC ngày 15/7/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về mức hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở đối với người có công với cách mạng hoặc thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, xây dựng mới 80 triệu đồng/căn, sửa chữa 40 triệu đồng/căn.

Để đảm bảo cơ sở pháp lý, tính thống nhất chung trong thực hiện mức hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (sau sáp nhập); do đó, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là cần thiết và có cơ sở pháp lý, phù hợp thực tiễn.

2. Mục tiêu: Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Đối tượng áp dụng

a) Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại Điều 3 Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14.

b) Các tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng.

4. Điều kiện hỗ trợ và mức hỗ trợ

4.1. Điều kiện hỗ trợ

Hộ gia đình người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng đang sinh sống và có đăng ký thường trú tại tỉnh Đồng Tháp, có nhà tạm hoặc nhà ở bị hư hỏng nặng, với mức độ như sau: Phải phá dỡ để xây mới nhà ở; phải sửa chữa khung, tường và thay mới mái nhà ở.

4.2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ 80 triệu đồng/hộ đối với trường hợp nhà ở bị hư hỏng nặng phải phá dỡ để xây dựng lại nhà ở mới.

b) Hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ đối với trường hợp nhà ở bị hư hỏng, dột nát cần phải sửa chữa phần khung - tường và thay mới mái nhà.

5. Kinh phí thực hiện

- Nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

- Nguồn Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa”.

- Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn kinh phí hợp pháp (nếu có).

III. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG TỔ CÔNG NGHỆ SỐ CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số, xã hội số (Quyết định 411/QĐ-TTg) đã đặt ra yêu cầu đưa công nghệ số thấm sâu vào đời sống.

Tại tỉnh Đồng Tháp, Tổ công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) là lực lượng nòng cốt, mang tính “gần dân, sát dân” trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở với cách thức hoạt động “đi từng ngõ, gõ từng nhà” để đưa công nghệ số đến từng hộ gia đình. Đây là cánh tay nối dài của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 các cấp để đưa công nghệ số đến từng ngõ, gõ cửa từng nhà. Thực hiện chủ trương của Trung ương và của tỉnh, đến nay, các ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh đã thành lập Tổ CNSCĐ. Cụ thể, toàn tỉnh đã có **1.693** Tổ CNSCĐ được thành lập tại 102 xã, phường với tổng số **10.224** thành viên. Lực lượng này đã và đang từng bước đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở:

(1) Tuyên truyền, phổ biến các kỹ năng số (an toàn, kỹ năng nhận diện lừa đảo trên không gian mạng,...) góp phần hình thành công dân số và văn hóa số trong cộng đồng.

(2) Hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các nền tảng số thiết yếu như VNeID, ứng dụng công dân số, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến, sàn thương mại điện tử,...

(3) Hỗ trợ chính quyền triển khai các cuộc khảo sát, thu thập dữ liệu và các nhiệm vụ đột xuất liên quan đến công nghệ số tại địa phương.

Tuy nhiên, các Tổ CNSCĐ hiện đang hoạt động hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện, trách nhiệm, chưa có bất kỳ khoản phụ cấp hay chi phí hỗ trợ nào. Điều này dẫn đến nhiều khó khăn, hạn chế hiệu quả hoạt động:

(1) Thiếu kinh phí hoạt động: Các Tổ CNSCĐ không có chi phí để chi trả cho các hoạt động cơ bản của các Thành viên Tổ CNSCĐ như chi phí xăng xe di chuyển, cước phí điện thoại/3G/4G để liên lạc và hỗ trợ người dân.

(2) Giảm động lực: Hoạt động dựa trên tinh thần tự nguyện và tâm huyết cá nhân không thể duy trì lâu dài, đặc biệt khi khối lượng công việc ngày càng tăng. Việc thiếu sự ghi nhận và hỗ trợ về vật chất ảnh hưởng trực tiếp đến động lực và sự gắn bó của các thành viên.

(3) Khó duy trì và phát triển: Việc vận động thành viên mới tham gia gặp khó khăn, trong khi các thành viên hiện tại có thể xin ra khỏi Tổ do không đảm bảo được thời gian và chi phí cá nhân.

2. Mục tiêu: Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

3. Đối tượng áp dụng

1. Tổ công nghệ số cộng đồng tại ấp, khu phố (mỗi ấp, khu phố thành lập 01 tổ công nghệ số cộng đồng theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã).

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động Tổ công nghệ số cộng đồng tại ấp, khu phố.

4. Mức hỗ trợ

Hỗ trợ khoán chi phục vụ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng: 1.000.000 đồng/Tổ/tháng.

5. Kinh phí thực hiện

Nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

IV. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỘI ĐỒNG SÁNG KIẾN TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Theo quy định tại khoản 7 Điều 22 của quy định kèm theo Quyết định số 132/2025/QĐ-UBND, Sở Khoa học và Công nghệ được giao là cơ quan thường trực Hội đồng xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến trên địa bàn tỉnh. Theo đó, Sở Khoa học và Công nghệ được giao chủ trì tham mưu hoạt động sáng kiến trên địa bàn tỉnh, trong đó: có hoạt động tổ chức

Hội đồng xét công nhận sáng kiến, xét công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến.

Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ đã dự toán nguồn kinh phí sự nghiệp thuộc chức năng nhiệm vụ được giao cho hoạt động sở hữu trí tuệ, sáng kiến, trong đó có nội dung chi cho Hội đồng sáng kiến theo quy định, ước trung bình 60 - 80 triệu đồng/02 Hội đồng/năm.

Năm 2026, Sở Khoa học và Công nghệ đang tiếp tục tham mưu UBND tỉnh tổ chức Hội đồng công nhận hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng sáng kiến trên địa bàn tỉnh (cấp tỉnh). Do đó để đảm bảo cơ sở pháp lý về nội dung, mức chi các hoạt động sáng kiến nêu trên, việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung này là cần thiết.

Đồng thời, hiện nay các xã, phường, sở ban, ngành, đoàn thể cũng đã thực hiện các hoạt động sáng kiến 2025 nhưng tồn đọng trong năm 2026 chưa có cơ sở quyết toán và khoảng trống pháp lý cần xây dựng để chi quyết toán kinh phí hoạt động và hiện đang triển khai thực hiện các hoạt động đánh giá, xét công nhận sáng kiến, hiệu quả áp dụng và khả năng nhân rộng của sáng kiến. Do đó, việc lập kế hoạch dự toán và thanh quyết toán kinh phí theo niên độ tài chính cho hoạt động sáng kiến rất cần thiết.

Chính vì vậy, nhằm đảm bảo cơ sở hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong lập dự toán kinh phí hàng năm về nội dung và mức chi hoạt động sáng kiến kịp thời. Sở Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi Hội đồng sáng kiến từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là rất cần thiết.

2. Mục tiêu: Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi Hội đồng sáng kiến từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư số 03/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về nguồn kinh phí, nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động sáng kiến. Những nội dung khác có liên quan không quy định trong Nghị quyết này thì được thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 03/2019/TT-BTC.

3. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động sáng kiến được bảo đảm kinh phí từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

4. Nội dung và mức chi

Quy định nội dung và mức chi của Hội đồng sáng kiến (xét công nhận sáng kiến; xét công nhận hiệu quả, khả năng nhân rộng của sáng kiến) gồm:

- Chủ tịch Hội đồng: 500.000 đồng/buổi họp.
- Phó Chủ tịch Hội đồng, thư ký Hội đồng và các thành viên Hội đồng (gồm các chuyên gia hoặc những người có chuyên môn về lĩnh vực có liên

quan đến nội dung sáng kiến): 200.000 đồng/người/buổi họp.

- Các thành phần khác tham gia Hội đồng theo quyết định của người đứng đầu cơ sở xét công nhận sáng kiến: 100.000 đồng/người/buổi họp.

- Chi tiền tài liệu, văn phòng phẩm phục vụ họp Hội đồng: thanh toán theo hóa đơn thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

5. Nguồn kinh phí thực hiện:

- Nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ (cơ quan quản lý nhà nước).

- Nguồn chi thường xuyên (đối với đơn vị sự nghiệp công lập).

V. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON CÔNG LẬP, GIÁO VIÊN MỚI TUYỂN DỤNG GIẢNG DẠY MÔN HỌC TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP TẠI CÁC ĐỊA BÀN KHÓ TUYỂN DỤNG CỦA TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

- Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định chính sách khuyến khích đối với viên chức quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non công lập, giáo viên mới tuyển dụng giảng dạy môn học trong cơ sở giáo dục phổ thông công lập tại các địa bàn khó tuyển dụng của tỉnh Tiền Giang

- Tỉnh Đồng Tháp (cũ) không có Nghị quyết này.

- Việc ban hành Nghị quyết mới trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang cũ, để triển khai trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp mới.

2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thành viên UBND tỉnh đã họp, thống nhất nội dung dự thảo.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Đối tượng áp dụng

a) Viên chức quản lý, giáo viên công tác trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập khó tuyển dụng giáo viên;

b) Giáo viên mới tuyển dụng giảng dạy các môn học khó tuyển dụng giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

c) Các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn khó tuyển dụng giáo viên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3.2. Mức hỗ trợ:

a) Giáo viên mầm non mới tuyển dụng được phân công công tác trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo nghị quyết này được hỗ trợ 2.500.000 đồng/người/tháng thực dạy;

b) Viên chức quản lý, giáo viên mầm non đang công tác trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo nghị quyết này được hỗ trợ 1.500.000 đồng/người/tháng quản lý, thực dạy;

c) Giáo viên phổ thông mới tuyển dụng giảng dạy các môn học khó tuyển dụng giáo viên trong các cơ sở giáo dục phổ thông công lập quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo nghị quyết này được hỗ trợ 2.500.000 đồng/người/tháng thực dạy;

d) Mức hỗ trợ khuyến khích cho viên chức quản lý, giáo viên quy định tại điểm a, b và c khoản này không dùng làm cơ sở để tính đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp.

3.3. Thời gian thực hiện hỗ trợ

Từ khi Nghị quyết có hiệu lực thi hành đến hết học kỳ I năm học 2027 - 2028.

Lí giải về thời gian hỗ trợ: chỉ áp dụng đến hết học kỳ I năm học 2027 - 2028: do áp dụng theo chu kỳ thời gian của Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND; kết thúc chính sách đề ngành Giáo dục và đào tạo có giải pháp hữu hiệu trong tuyển dụng giáo viên.

VI. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG SÁNG TẠO CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÔNG CHUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Trên cơ sở Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó, trong quá trình vận hành đơn vị hành chính cấp tỉnh (sau sáp nhập), việc thực hiện các chính sách hỗ trợ hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, phát sinh sự khác biệt về cơ chế, chính sách giữa hai địa phương trước đây: (1) Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Tháp (cũ) áp dụng Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 01/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hỗ trợ hoạt động sáng tạo của đối tượng không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; (2) Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Tiền Giang chưa ban hành chính sách tương tự.

Để thống nhất áp dụng nội dung và mức chi hoạt động sáng tạo của đối tượng không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết nội dung và mức chi hoạt động sáng tạo của đối tượng không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là cần thiết và có cơ sở pháp lý, phù hợp thực tiễn (*nội dung khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ tại cơ sở giáo dục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (Chương II, Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND) có nội dung tương tự với nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo được quy*

định tại Điều 19 của Luật số 123/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục và hiện nay Sở Giáo dục và Đào tạo đang trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15, nên không đề xuất đưa vào).

2. Mục tiêu: Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi hoạt động sáng tạo của đối tượng không chuyên trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Đối tượng áp dụng

- Cá nhân, nhóm cá nhân chưa có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên có giải pháp sáng tạo;

- Cá nhân, nhóm cá nhân có bằng tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên có giải pháp sáng tạo và không thuộc lĩnh vực chuyên môn với ngành nghề đã được đào tạo;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chính sách hỗ trợ hoạt động sáng tạo của đối tượng không chuyên trên địa bàn tỉnh.

4. Nội dung và mức chi

Giải pháp sáng tạo của đối tượng không chuyên được hỗ trợ tối đa không quá 400 triệu đồng, gồm các nội dung và định mức hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ 50% chi phí phân tích, thử nghiệm đánh giá chất lượng giải pháp hoặc sản phẩm hình thành từ giải pháp tại các đơn vị, tổ chức thử nghiệm sản phẩm, hàng hóa được chỉ định nhưng không quá 30 triệu đồng/ giải pháp.

- Hỗ trợ 50% giá trị hợp đồng chi phí thuê chuyên gia để hoàn thiện, cải tiến công nghệ hình thành từ giải pháp nhưng không quá 100 triệu đồng/giải pháp.

- Hỗ trợ 100% chi phí hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển thị trường đối với giải pháp hoặc sản phẩm hình thành từ giải pháp (trưng bày, giới thiệu, quảng bá, kết nối cung cầu) nhưng không quá 20 triệu đồng/giải pháp.

- Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng chi phí tư vấn xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đối với giải pháp nhưng không quá 10 triệu đồng/ giải pháp.

- Hỗ trợ 100% chi phí ứng dụng chuyển đổi số, hoàn thiện sản phẩm (thiết kế bao bì, nhãn mác, mã QR, truy xuất nguồn gốc, xây dựng nền tảng số phục vụ quảng bá, tiêu thụ sản phẩm) nhưng không quá 30 triệu đồng/giải pháp.

- Hỗ trợ 100% chi phí tra cứu, tư vấn, lập hồ sơ đăng ký sáng chế/giải pháp hữu ích/nhãn hiệu nhưng không quá 20 triệu đồng/giải pháp.

- Hỗ trợ chi phí công lao động khoa học cho đối tượng sáng tạo không chuyên: 10 triệu đồng/tháng, nhưng không quá 12 tháng.

- Hỗ trợ chi phí mua nguyên vật liệu, năng lượng phục vụ hoàn thiện giải pháp: không quá 20 triệu đồng/giải pháp.

- Hỗ trợ xây dựng mô hình thử nghiệm, ứng dụng giải pháp tại cơ sở để đánh giá, hoàn thiện và nhân rộng nhưng không quá 50 triệu đồng/giải pháp.

5. Nguồn kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc ngân sách địa phương hàng năm.
- Nguồn tham gia đóng góp của các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng kết quả từ hoạt động nghiên cứu khoa học và hoạt động sáng tạo.
- Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VII. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG VÀ MỨC CHI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Ngày 30/11/2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Trong đó, tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN: *“Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.*

Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn”.

Ngoài ra, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định rõ trách nhiệm của Bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, chính quyền địa phương có trách nhiệm chủ động cụ thể hóa các chủ trương, định hướng lớn của Trung ương thành các cơ chế, chính sách phù hợp, đồng thời bảo đảm nguồn lực và điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn.

Do đó, việc xây dựng và ban hành kịp thời Nghị quyết quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp là rất cần

thiết, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trong thời gian tới.

2. Mục tiêu: Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3. Đối tượng áp dụng

- Cơ quan quản lý chương trình, nhiệm vụ; cơ quan quản lý hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

- Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chương trình, nhiệm vụ; cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước;

- Các đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân thực hiện chương trình, nhiệm vụ, hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

4. Nội dung và mức chi

- Nội dung và mức chi thực hiện Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*Điều 3 đến Điều 8 dự thảo Nghị quyết*):

+ Chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: 80% Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN, tương đương tỷ lệ với Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND.

+ Nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cơ sở: 40% Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN, tương đương tỷ lệ với Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND.

- Nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ đổi mới sáng tạo (*Điều 9, Điều 10 dự thảo Nghị quyết*): áp dụng mức tối đa theo Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN do các nội dung chi chủ yếu là hỗ trợ, chuyển giao công nghệ, mua sắm thiết bị, nguyên nhiên vật liệu.

- Hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (*Điều 11, Điều 12 dự thảo Nghị quyết*): áp dụng mức tối đa theo Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN do các nội dung chi hỗ trợ cho các nhà khoa học trẻ (*chi phí đi lại, tham dự hội nghị, hội thảo, phí công bố kết quả nghiên cứu...*), hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo (*mua bản quyền, thuê chuyên gia, xúc tiến thương mại, ...*).

5. Nguồn kinh phí thực hiện

5.1. Kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ

- Hàng năm, kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh bố trí để thực hiện chương trình, nhiệm vụ đặt hàng do Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt hướng đến mục tiêu tối thiểu 70% trong tổng dự toán chi ngân sách nhà nước đặt hàng, tài trợ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại tiêu điểm đ1 điểm đ khoản 2

Điều 4 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP. Nguồn ngân sách nhà nước còn lại sau khi đã bố trí để đặt hàng thực hiện các chương trình, nhiệm vụ được bố trí để tài trợ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ.

- Mức đảm bảo của ngân sách nhà nước để xét tài trợ thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

- Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước không vượt quá 2,5 lần giá trị đóng góp của đối tác nước ngoài đối với nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế, trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

- Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp đối ứng để thực hiện chương trình, nhiệm vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

5.2. Kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ

- Ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

- Nguồn kinh phí của tổ chức, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp để thực hiện hoạt động hỗ trợ thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN.

- Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

VIII. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN, CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON DÂN LẬP, TƯ THỰC Ở ĐỊA BÀN CÓ KHU CÔNG NGHIỆP, NƠI CÓ NHIỀU LAO ĐỘNG; TRỢ CẤP ĐỐI VỚI TRẺ EM MẦM NON LÀ CON CÔNG NHÂN, NGƯỜI LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TẠI KHU CÔNG NGHIỆP, NƠI CÓ NHIỀU LAO ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP.

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

- Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non:

- + Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 17/9/2021 quy định chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thực ở địa bàn có khu công nghiệp; trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân làm việc tại khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- + Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp (cũ) ban hành Nghị quyết số 72/2021/NQ-HĐND ngày 17/8/2021 quy định một số chính sách phát triển giáo dục mầm non ở các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quyết định tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang và Quyết định số 01/QĐ-HĐND ngày 16/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc chấp thuận đề nghị xây dựng Nghị quyết trình tại các kỳ họp năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa XI, nhiệm kỳ 2026 - 2031, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Nghị quyết mới trên cơ sở kế thừa Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang để vận dụng trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp mới.

2. Quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thành viên UBND tỉnh đã họp, thống nhất nội dung dự thảo.

3. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

3.1. Tên của Nghị quyết

Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động; trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ đối với giáo viên, cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động; trợ cấp đối với trẻ em mầm non đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 2 Điều 8 và khoản 2 Điều 10 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 81 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

3.3. Đối tượng áp dụng

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động; giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động; trẻ em mầm non đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

3.4. Chính sách hỗ trợ

a) Hỗ trợ đối với các cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp: Trang bị cơ sở vật chất 01 lần với mức hỗ trợ là 20.000.000 đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập.

b) Hỗ trợ đối với trẻ em mầm non đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp: 160.000 đồng/trẻ/tháng. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

c) Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp: 800.000 đồng/người/tháng. Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ này nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng để tính đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

3.5. Dự kiến nguồn lực để thực hiện Nghị quyết

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

IX. NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH BẢO VỆ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE CÁN BỘ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

1.1. Trước khi sắp xếp tỉnh Đồng Tháp:

- Tỉnh Đồng Tháp (trước sắp xếp): Công tác chăm sóc, quản lý sức khỏe cán bộ thuộc diện quản lý của Tỉnh ủy do Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh thuộc Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp thực hiện theo Quyết định số 180/QĐ-UBND-TL ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh thuộc Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp, trên cơ sở sắp xếp, chuyển giao chức năng, nhiệm vụ của Phòng Khám và Quản lý sức khỏe cán bộ thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Đồng Tháp.

Chế độ, chính sách chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ thuộc tỉnh Đồng Tháp được thực hiện theo Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Tỉnh Tiền Giang (trước sắp xếp): Chưa có quy định cụ thể chính sách, chế độ chăm sóc, bảo vệ sức khỏe cán bộ mà thực hiện theo Quyết định số 988-QĐ/TU ngày 17/10/2018 của Ban Thường vụ tỉnh ủy quy định chế độ khám, điều trị bệnh đối với cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý và diện chính sách; trên cơ sở đó hằng năm Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ xây dựng Kế hoạch để triển khai thực hiện.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy bố trí kế toán thực hiện công tác quản lý và sử dụng kinh phí bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ theo quy định.

1.2. Sau khi sắp xếp tỉnh Đồng Tháp và tỉnh Tiền Giang thành tỉnh Đồng Tháp theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp (sau khi sắp xếp) đã ban hành Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 29/7/2025 quyết định việc áp dụng, bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh được nhập do sắp xếp đơn vị hành chính; trong đó *Nghị quyết số*

09/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp (trước khi sắp xếp) được tiếp tục áp dụng.

1.3. Đồng thời, tại điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: *“Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết đề quy định biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

Bên cạnh đó, ngày 15/8/2025, Ban Tổ chức Trung ương ban hành Công văn số 9401-CV/BTCTW về việc *kết thúc hoạt động Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố*, trong đó có nêu: *“2. Công văn số 05-CV/BCĐTKNQ18, ngày 12/01/2025 của Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc bổ sung, hoàn thiện phương án sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện yêu cầu: Chuyển chức năng chỉ đạo, quản lý công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ của tỉnh, thành phố của ban bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố được chuyển về Ban Tổ chức tỉnh ủy, thành ủy bảo đảm tương đồng với việc sắp xếp ở Trung ương.”*

Từ các nội dung thực tiễn nêu trên, việc Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp nhằm thay thế Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp (trước khi sắp xếp) là cần thiết và đảm bảo cơ sở pháp lý, phù hợp với Quy định số 72-QĐ/TU1 ngày 09/12/2025 của Tỉnh ủy, thực tiễn mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay.

2. Quá trình xây dựng dự thảo văn bản

2.1. Tại Quyết định số 11/QĐ-HĐND ngày 12/6/2026, Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh đã chấp thuận danh mục nghị quyết trình tại Kỳ họp lệ giữa năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp khóa XI, nhiệm kỳ 2026-2031; trong đó bao gồm Nghị quyết quy định chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2.2. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tài chính (cơ quan chủ trì soạn thảo) gửi lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan và ý kiến phản biện xã hội của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; được tổng hợp và nghiên cứu,

¹ Quy định số 72-QĐ/TU ngày 09/12/2025 của Tỉnh ủy quy định đối tượng cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, diện chính sách được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe

tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và gửi Sở Tư pháp thẩm định đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh (tại Báo cáo số 1560/BC-STP ngày 24/4/2026);

2.3. Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tài chính nghiên cứu, tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp (tại Báo cáo số 158/BC-STC ngày 24/4/2026); báo cáo tổng kết việc thi hành nghị quyết tại Báo cáo số 159/BC-STC ngày 24/4/2026; hoàn chỉnh trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 3224/TTr-STC ngày 24/4/2026.

2.4. Dự thảo Nghị quyết đã được báo cáo tại cuộc họp Thành viên UBND tỉnh ngày 28/4/2026, tại Thông báo KL số 4847/TB-VPUBND ngày 29/4/2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tỉnh kết luận: “*Giao Sở Tài chính Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chính sách; rà soát số lượng, mức hỗ trợ và kinh phí thực hiện theo từng nhóm đối tượng đề xuất đưa vào chính sách; trình bày rõ hình thức và đơn vị thực hiện chính sách; tham khảo việc thực hiện chính sách nêu trên của một số địa phương khác, báo cáo UBND tỉnh xem xét trước khi hoàn chỉnh hồ sơ tham mưu trình HĐND vào kỳ họp tiếp theo*”. Theo đó, Sở Tài chính đã xây dựng lại và trình tại 4425/TTr-STC ngày 29/5/2026.

2.5. Dự thảo Nghị quyết đã được báo cáo lần 2 tại cuộc họp Thành viên UBND tỉnh ngày 09/6/2026, được Sở Tài chính hoàn chỉnh trình tại Tờ trình số 4925/TTr-STC ngày 13/6/2026

3. Bộ cục và nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

3.1. Bộ cục của dự thảo văn bản: Dự thảo Nghị quyết gồm 16 Điều

3.2. Nội dung cơ bản:

Dự thảo Nghị quyết cơ bản kế thừa Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 23/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp (trước khi sắp xếp) như định mức hỗ trợ, tỷ lệ phần trăm (%) và nội dung hỗ trợ. Ngoài ra, dự thảo Nghị quyết điều chỉnh nơi khám chữa bệnh là Khoa nội A thuộc Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp và Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang và một số đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, diện chính sách được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, cụ thể các nội dung hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp và Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang;

b) Hỗ trợ chi phí khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài tỉnh;

c) Hỗ trợ chi phí mua thuốc điều trị bệnh theo đơn thuốc điều trị ngoại trú của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ngoài tỉnh;

d) Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe định kỳ tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp và Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang;

đ) Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử, quy hoạch cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý tại Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp và Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang;

e) Hỗ trợ chi phí khám sức khỏe trước khi đi tham quan, nghỉ dưỡng trong và ngoài nước theo chủ trương của cấp có thẩm quyền;

g) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian điều trị nội trú tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh;

h) Hỗ trợ chi phí đưa đón cán bộ của tỉnh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý đi khám sức khỏe định kỳ;

i) Hỗ trợ chi phí cho chuyên gia được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên cử đến Bệnh viện Đa khoa Đồng Tháp và Bệnh viện Đa khoa Tiền Giang để hỗ trợ tư vấn về sức khỏe và quản lý sức khỏe cán bộ.

4. Những vấn đề xin ý kiến

Do sắp xếp địa giới hành chính, đối tượng Ủy viên Ban Thường vụ huyện, thành, thị ủy đã nghỉ hưu từ ngày 01/7/2025 trở về trước không thuộc đối tượng Quy định số 72-QĐ/TU ngày 09/12/2025 của Tỉnh ủy, nhằm thể hiện tinh thần nhân văn của Nhà nước trong việc chăm sóc sức khỏe cán bộ, Sở Tài chính đề xuất bổ sung đối tượng là Ủy viên Ban Thường vụ huyện, thành, thị ủy đã nghỉ hưu từ ngày 01/7/2025 trở về trước vào dự thảo Nghị quyết quy định chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp (theo đề xuất của Ban Tổ chức tỉnh ủy tại Báo cáo số 147-BC/BTCTU ngày 13/5/2026 cung cấp thông tin để hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết quy định chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh với số lượng là 270 đồng chí).

Ban Thường vụ Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

(Đính kèm các Tờ trình, dự thảo Nghị quyết và các tài liệu liên quan)./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Thường trực Đảng ủy,
- Văn phòng Tỉnh ủy,
- CT, các PCT UBND tỉnh,
- VP UBND tỉnh: CVP, các PCVP,
P.KGVX, P.KT, BTCĐNC,
- Lưu VPĐU.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**